

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Số: 08 /2020/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 13 tháng 7 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 theo Nghị quyết số 23/2014/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 24a/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 95/2019/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24a/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;

Xét Tờ trình số 23/TTr-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 29/BC-HĐND-KTNS ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 theo Nghị quyết số 23/2014/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước với 03 mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường như sau:

1. Khu đất có diện tích khoảng 7,47 ha tại xã Minh Đức, huyện Hớn Quản làm khoáng sản đất san lấp xây dựng.



2. Khu đất có diện tích khoảng 14,725 ha tại xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú làm khoáng sản đá xây dựng.

3. Khu đất có diện tích khoảng 5,0 ha tại xã Đắc O, huyện Bù Gia Mập làm khoáng sản đá xây dựng.

(Kèm theo danh mục các khu vực bổ sung quy hoạch khoáng sản).

Điều 2. Các nội dung khác không bổ sung thì thực hiện theo Nghị quyết số 23/2014/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước thông qua Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa IX, kỳ họp thứ mười hai thông qua ngày 09 tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 22 tháng 7 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ TN và MT, Bộ KH và ĐT, Bộ XD, Bộ TP (Cục Kiểm tra văn bản);
- TTTU, TT HĐND, UBND, BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm CNTT và TT;
- LĐVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]

Huỳnh Thị Hằng

DANH MỤC CÁC KHU VỰC BỔ SUNG QUY HOẠCH KHOÁNG SẢN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)



TT	Loại khoáng sản	Vị trí mỏ	Điểm góc	Tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực 106°15', múi chiều 3 ⁰)		Diện tích (ha)	Tài nguyên dự báo đến năm 2020 (triệu m ³)
				X(m)	Y(m)		
1. Khu đất có diện tích khoảng 7,47 ha tại xã Minh Đức, huyện Hớn Quản làm khoáng sản đất san lấp xây dựng.							
1	Đất san lấp	Xã Minh Đức, huyện Hớn Quản	1	1.278.685	528.030	7,47	0,298
			2	1.278.740	528.059		
			3	1.278.779	528.080		
			4	1.278.804	528.090		
			5	1.278.827	528.097		
			6	1.278.859	528.122		
			7	1.278.876	528.142		
			8	1.278.897	528.179		
			9	1.278.912	528.212		
			10	1.278.691	528.277		
			11	1.278.555	528.236		
			12	1.278.522	528.212		
			13	1.278.505	528.190		
			14	1.278.487	528.141		
			15	1.278.475	528.099		
			16	1.278.473	528.084		
			17	1.278.482	528.034		
			18	1.278.540	528.026		
			19	1.278.592	528.027		
			20	1.278.616	528.028		
			21	1.278.625	528.031		



			22	1.278.650	528.082		
			23	1.278.666	528.075		
2. Khu đất có diện tích khoảng 14,725 ha tại xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú làm khoáng sản đá xây dựng							
2	Đá xây dựng	Xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú	1	1.266.335	577.026	14,725	2,208
			2	1.266.339	577.067		
			3	1.266.324	577.075		
			4	1.266.287	577.121		
			5	1.266.259	577.206		
			6	1.266.270	577.210		
			7	1.266.281	577.205		
			8	1.266.310	577.210		
			9	1.266.320	577.229		
			10	1.266.324	577.255		
			11	1.266.349	577.249		
			12	1.266.360	577.244		
			13	1.266.371	577.258		
			14	1.266.375	577.261		
			15	1.266.470	577.366		
			16	1.266.470	577.368		
			17	1.266.505	577.398		
			18	1.266.502	577.401		
			19	1.266.453	577.428		
			20	1.266.447	577.428		
			21	1.266.448	577.439		
			22	1.266.458	577.460		
			23	1.266.512	577.545		
			24	1.266.536	577.541		
			25	1.266.529	577.616		

			26	1.266.480	577.654		
			27	1.266.363	577.644		
			28	1.266.368	577.709		
			29	1.266.375	577.723		
			30	1.266.415	577.758		
			31	1.266.428	577.780		
			32	1.266.458	577.784		
			33	1.266.525	577.777		
			34	1.266.524	577.770		
			35	1.266.601	577.636		
			36	1.266.552	577.609		
			37	1.266.559	577.590		
			38	1.266.571	577.524		
			39	1.266.567	577.520		
			40	1.266.635	577.453		
			41	1.266.640	577.432		
			42	1.266.723	577.449		
			43	1.266.744	577.463		
			44	1.266.845	577.488		
			45	1.266.892	577.482		
			46	1.266.843	577.363		
			47	1.266.827	577.301		
			48	1.266.813	577.299		
			49	1.266.810	577.306		
			50	1.266.781	577.294		
			51	1.266.706	577.249		
			52	1.266.691	577.278		
			53	1.266.644	577.250		
			54	1.266.647	577.243		

PH. QINH

			55	1.266.646	577.238		
			56	1.266.637	577.238		
			57	1.266.633	577.244		
			58	1.266.584	577.215		
			59	1.266.559	577.162		
			60	1.266.557	577.164		
			61	1.266.517	577.152		
			62	1.266.508	577.161		
			63	1.266.462	577.192		
			64	1.266.460	577.189		
			65	1.266.390	577.230		
			66	1.266.380	577.191		
			67	1.266.381	577.137		
			68	1.266.389	577.132		
			69	1.266.364	577.053		
			70	1.266.345	577.064		
			71	1.266.341	577.025		
3. Khu đất có diện tích khoảng 5,0 ha tại xã Đắc Ô, huyện Bù Gia Mập làm khoáng sản đá xây dựng							
3	Đá xây dựng	Xã Đắc Ô, huyện Bù Gia Mập	1	1.327.297	592.977	5,0	0,5
			2	1.327.388	593.205		
			3	1.327.352	593.255		
			4	1.327.311	593.347		
			5	1.327.280	593.339		
			6	1.327.187	593.256		
			7	1.327.184	593.048		